

CHÍNH PHỦ
Số: 42-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành Quy chế Hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tài Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những qui định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ. Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**QUY CHẾ HÀNH NGHỀ TƯ VẤN PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 42/CP ngày 8 tháng 7 năm 1995)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.

Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này có thể được phép hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam.

Điều 2.

Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối đãi thoả đáng đối với tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3.

Tài sản hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.

Điều 4.

Tổ chức, các nhân nước ngoài không được hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam nếu không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của quy chế này.

Điều 5.

Tổ chức luật sư nước ngoài, luật sư nước ngoài hành nghề tư vấn pháp luật tại Việt Nam phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ, HÌNH THỨC,
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP**

Điều 6.

Tổ chức luật sư nước ngoài muốn hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam;
2. Có uy tín trong hành nghề tư vấn pháp luật;
3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam;
4. Có phương án hoạt động và cam kết thực hiện các nghĩa vụ của mình theo qui định của Quy chế này và các qui định khác của pháp luật Việt Nam;
5. Có cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động của mình.

Điều 7.

Luật sư của tổ chức luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hành nghề tư vấn pháp luật từ 5 năm trở lên tại một tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đang chấp hành hình phạt, người chưa được xoá án;
3. Có thiện chí đối với Nhà nước Việt Nam.

Điều 8.

Tổ chức luật sư nước ngoài có đủ các điều kiện qui định tại Điều 6 của Quy chế này thì được xét cho phép đặt chi nhánh tại Việt Nam.

Mỗi tổ chức luật sư nước ngoài được đặt tối đa hai chi nhánh tại Việt Nam.

Tổ chức luật sư nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh.

Điều 9.

Thời hạn hoạt động của chi nhánh tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam là 5 năm, kể từ ngày ký giấy phép và có thể được gia hạn mỗi lần không quá 3 năm.

Điều 10.

Tổ chức luật sư nước ngoài muốn đặt chi nhánh tại Việt Nam phải làm đơn xin phép. Đơn xin phép đặt chi nhánh phải có nội dung chính sau đây:

1. Tên đầy đủ, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Tên gọi của chi nhánh;
3. Nội dung hoạt động và lĩnh vực hành nghề tư vấn pháp luật;
4. Thời hạn hoạt động;
5. Nơi dự định đặt trụ sở của chi nhánh;

6. Họ, tên của luật sư nước ngoài được tổ chức luật sư nước ngoài uỷ nhiệm quản lý, điều hành chi nhánh;
7. Số lượng luật sư nước ngoài và nhân viên Việt Nam dự kiến sẽ làm việc tại chi nhánh.

Điều 11.

Kèm theo đơn xin phép đặt chi nhánh phải có các giấy tờ sau đây:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ cần thiết chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức luật sư nước ngoài;
3. Báo cáo về tình hình tài chính của tổ chức luật sư nước ngoài trong hai năm gần nhất;
4. Danh sách và các bản tóm tắt lý lịch nghề nghiệp, lý lịch tư pháp, bản sao giấy phép hành nghề của các luật sư nước ngoài hành nghề trong chi nhánh;
5. Giấy uỷ nhiệm luật sư nước ngoài quản lý và điều hành chi nhánh;
6. Phương án hoạt động của chi nhánh;
7. Danh sách khách hàng nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 12.

Đơn xin phép phải làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn xin phép được lập và chứng nhận ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự; nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được cơ quan công chứng Việt Nam chứng nhận.

Các giấy tờ sau đây phải được cơ quan có thẩm quyền của nước, nơi tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở chính chứng nhận:

1. Bản sao Điều lệ hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức luật sư nước ngoài;
2. Bản sao giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài;
3. Giấy uỷ nhiệm luật sư nước ngoài quản lý, điều hành chi nhánh.

Điều 13.

Đơn xin phép đặt chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài và các giấy tờ kèm theo được gửi đến Bộ Tư pháp. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Bộ Tư pháp xem xét hồ sơ, tham khảo ý kiến các cơ quan hữu quan và quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy phép.

Giấy phép được làm thành ba bản, một bản cấp cho đương sự, một bản gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài đặt trụ sở và một bản lưu.

Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Tư pháp thông báo cho đương sự và nói rõ lý do. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 14.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cấp giấy phép, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng ký hành nghề tại Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt trụ sở. Quá thời hạn này mà chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài không đăng ký hành nghề thì giấy phép không còn giá trị, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Bộ Tư pháp chấp thuận.

Khi đăng ký hành nghề, phải xuất trình giấy phép đặt chi nhánh và giấy tờ xác nhận về trụ sở của chi nhánh.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp phải cấp giấy đăng ký hành nghề cho chi nhánh.

Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài chỉ được hoạt động kể từ ngày đăng ký hành nghề.

Điều 15.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đăng ký hành nghề, chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài phải đăng báo tại Việt Nam trong 5 số liên tiếp về việc đặt chi nhánh.

Điều 16.

Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài muốn thay đổi tên gọi, trụ sở, người đại diện, danh sách luật sư, lĩnh vực hành nghề tư vấn phải làm đơn xin phép Bộ Tư pháp và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.

Điều 17.

Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài muốn gia hạn hoạt động phải làm đơn gửi Bộ Tư pháp chậm nhất là 60 ngày trước khi hết hạn hoạt động.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn, Bộ Tư pháp quyết định việc gia hạn; nếu không gia hạn phải nói rõ lý do.

Việc gia hạn hoạt động cũng phải được đăng ký theo qui định tại Điều 14 của Quy chế này.